

Phụ lục
KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2024
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-CCTTBVTV ngày /01/2024 của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Gia Lai)

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
I	Cải cách thể chế							
01	1.1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và thực tiễn của ngành.	2.1. Nâng cao chất lượng công tác tham mưu văn bản quy phạm pháp luật.	3.1. Thực hiện đúng quy trình, quy định việc tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi của văn bản, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước.	4.1. Văn bản.	5.1. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.1. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.1. Theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT.	
02	1.2. Triển khai thực hiện đạt 100% Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	2.2. Triển khai đầy đủ, đồng bộ các quy định về theo dõi thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP; Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.	3.2. Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật.	4.2. Văn bản, cáo.	5.2. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.2. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.2. Theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT.	
II	Cải cách thủ tục hành chính							
03	1.1. Ban hành Kế hoạch đảm bảo quy định.	2.1. Tham mưu ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024.	3.1. Dự thảo Kế hoạch Kiểm soát TTHC năm 2024.	4.1. Kế hoạch.	5.1. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.1. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.1. Theo chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
04	1.2. Hoàn thành 100% Kế hoạch.	2.2. Tổ chức thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024.	3.2. Tổng hợp, hoàn chỉnh báo cáo theo quy định.	4.2. Báo cáo	5.2. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.2. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.2. Theo Kế hoạch của Chi cục và chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT.	
III	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước							
05	1.1. Khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP.	2.1. Rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Chi cục, sắp xếp bộ máy, kiện toàn theo hướng dẫn của Bộ ngành Trung ương và của tỉnh.	3.1. Quyết định, văn bản đề xuất sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn thuộc Chi cục (nếu có).	4.1. Văn bản, Quyết định.	5.1. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.1. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.1. Sau khi có hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc đơn vị tự rà soát.	
06	1.2. Giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021	2.2. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP; Nghị định số 143/2020/NĐ-CP.	3.2. Rà soát, xác định đối tượng tinh giản biên chế theo đúng quy định.	4.2. Văn bản.	5.2. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.2. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.2. Sau khi có hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc đơn vị tự rà soát.	
IV	Cải cách chế độ công vụ							

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
07	1.1. Chế độ chính sách cho công chức đảm bảo quy định.	2.1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các văn bản pháp luật về xây dựng, quản lý đội ngũ công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; đảm bảo chế độ chính sách cho công chức trong đơn vị.	3.1. Thực hiện đúng theo các quy định của Đảng và Nhà nước.	4.1. Quyết định, văn bản.	5.1. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.1. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.1. Thường xuyên trong năm.	
08	1.2. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ công chức; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức gắn với vị trí việc làm.	2.2. Bố trí công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả theo nội dung chương trình.	3.2. Triển khai thực hiện và báo cáo kết quả.	4.2. Báo cáo, văn bản.	5.2. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.2. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.2. Sau khi có hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT.	
09	1.3. Chuyển đổi vị trí công tác đảm bảo theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống tham nhũng.	2.3. Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đúng đối tượng, trình tự, thủ tục pháp luật quy định.	3.3. Thực hiện chuyển đổi theo quy định.	4.3. Báo cáo, văn bản.	5.3. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.3. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.3. Theo quy định.	
10	1.4. Nâng cao năng lực cho công chức làm công tác CCHC.	2.4. Nâng cao trình độ, năng lực trong công tác CCHC.	3.4. Tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về CCHC do Sở Nội vụ tổ chức.	4.4. Danh sách.	5.4. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.4. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.4. Theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Nội vụ.	
V	Cải cách tài chính công							

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
11	1.1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, tài chính tại đơn vị.	2.1. Tổng hợp kết quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm năm 2024 theo quy định.	3.1. Báo cáo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm năm 2024 theo quy định.	4.1. Báo cáo	5.1. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.1. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.1. Theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài chính.	
12		2.2. Triển khai thực hiện Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, 130/2005/NĐ-CP, Thông tư liên tịch 71/2014/TTLT-BTC-BNV.	3.2. Triển khai thực hiện Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, 130/2005/NĐ-CP, Thông tư liên tịch 71/2014/TTLT-BTC-BNV.	4.2. Báo cáo	5.2. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.2. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.2. Theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài chính.	
13		2.3. Thực hiện báo cáo tình hình quản lý sử dụng tài sản công tại đơn vị.	3.3. Quản lý sử dụng tài sản công.	4.3. Báo cáo	5.3. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.3. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.3. Theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Tài chính.	
VI	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số							
14	1.1. Hoàn thiện môi trường pháp lý.	2.1. Phối hợp rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý của Sở hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chính quyền số các cấp theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.	3.1. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý của Sở hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chính quyền số các cấp theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.	4.1. Văn bản.	5.1. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.1. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.1. Theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
15		2.2. Triển khai các quy định về định danh và xác thực điện tử, hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.	3.2. Triển khai Quyết định ban hành mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị thuộc Sở; Phối hợp duy trì kết nối hệ thống LGSP của tỉnh đã triển khai với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ xử lý TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và triển khai sử dụng chính thức cho các dịch vụ công trực tuyến thiết yếu có nhu cầu khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Triển khai các quy định về định danh và xác thực điện tử, hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.	4.2. Báo cáo.	5.2. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.2. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.2. Theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT.	
16	1.2. Phát triển hạ tầng số.	2.3. Phối hợp phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số trên địa bàn tỉnh.	3.3. Phối hợp triển khai thực hiện chuyển đổi IPV6 trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021 – 2025; Duy trì, nâng cấp hệ thống mạng diện rộng (WAN) của Sở.	4.3. Hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số trên địa bàn tỉnh.	5.3. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.3. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.3. Theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
17		2.4. Phối hợp phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số tại tỉnh.	3.4. Phối hợp triển khai, xây dựng các hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số tại tỉnh.	4.4. Hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số tại tỉnh.	5.4. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.4. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.4. Theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT.	
18		2.5. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.	3.5. Đầu tư, nâng cấp hệ thống máy chủ; hệ thống sao lưu dữ liệu, hệ thống bảo mật lưu trữ.	4.5. Đảm bảo phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước.	5.5. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.5. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.5. Năm 2024	
19		2.6. Phối hợp phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh.	3.6. Tiếp tục phối hợp triển khai Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030” đã được UBND tỉnh phê duyệt, trong đó nội dung triển khai phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các	4.6. Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện	5.6. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.6. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.6. Theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
			ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính quyền điện tử hướng tới Chính phủ số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh.	tử hướng tới Chính phủ số.				
20	1.3. Phát triển nền tảng và hệ thống số.	2.7. Phối hợp duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Sở và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh.	3.7. Tiếp tục phối hợp duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Sở và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài; Tiếp tục phối hợp bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của tỉnh.	4.7. Duy trì Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của Sở.	5.7. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.7. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.7. Năm 2024.	
21		2.8. Phối hợp phát triển các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi của Sở để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu...	3.8. Tiếp tục triển khai, xây dựng, phát triển các hệ thống đặc thù, chuyên ngành sử dụng trong phạm vi của Sở để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu...	4.8. Các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi của tỉnh Sở.	5.8. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.8. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.8. Năm 2024.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
22		2.9. Phối hợp xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính quyền điện tử, Chính phủ số.	3.9. Phối hợp tiếp tục duy trì, cung cấp việc sử dụng ứng dụng Zalo để triển khai phục vụ công dân, tổ chức tra cứu, theo dõi tình trạng giải quyết hồ sơ; đánh giá mức độ hài lòng khi giao dịch với các cơ quan hành chính; gửi phản ánh, kiến nghị qua Zalo; công khai các thông tin công dân, tổ chức quan tâm; tuyên truyền các chủ trương, chính sách... đến công dân, tổ chức; đồng thời tiếp tục nghiên cứu phát triển trên các nền tảng ứng dụng khác; Phối hợp triển khai ứng dụng di động cung cấp các dịch vụ đô thị thông minh tại thành phố Pleiku.	4.9. Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.	5.9. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.9. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.9. Năm 2024.	
23	1.4. Phát triển dữ liệu số	2.10. Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ của Chi cục; phối hợp thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.	3.10. Tiếp tục phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ của Chi cục; phối hợp thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.	4.10. Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính quyền số trong nội bộ của Chi cục	5.10. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.10. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.10. Năm 2024.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
24		2.11. Phối hợp xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với Sở trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.	3.11. Phối hợp việc cung cấp dữ liệu cho việc cung cấp Cổng dữ liệu mở bao gồm các dữ liệu chuyên ngành do tỉnh công bố, cấp phép để các cá nhân, tổ chức, DN sử dụng lại hoặc phân phối nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và sự tham gia hợp tác của người dân, DN tạo ra các sản phẩm, giá trị mới cho xã hội (dự kiến năm 2024 hoàn thành).	4.11. Kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước.	5.11. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.11. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.11. Năm 2024.	
25		2.12. Phối hợp xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số.	3.12. Phối hợp triển khai Nền tảng đô thị thông minh được xây dựng để tích hợp với các hệ thống thông tin đang vận hành hoặc sẽ xây dựng trong tương lai của đô thị nhằm hỗ trợ chính quyền đô thị thực hiện hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành.	4.12. Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh.	5.12. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.12. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.12. Năm 2024.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
26	1.5. Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ.	2.13. Phối hợp kết nối, tích hợp theo thời gian thực giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh tại các cấp chính quyền với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	3.13. Phối hợp kết nối, tích hợp theo thời gian thực giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh tại Văn phòng UBND tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	4.13. Phối hợp kết nối, tích hợp theo thời gian thực giữa hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh tại các cấp chính quyền với Hệ thống thông tin báo cáo CP, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của CP, Thủ tướng Chính phủ theo hướng dẫn của CP.	5.13. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.13. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.13. Năm 2024.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
27		2.14. Phối hợp kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh với Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.	3.14. Phối hợp kết nối, liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh với Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.	4.14. Kết nối, liên thông hệ thống QLVBDH của tỉnh với Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do CP, Thủ tướng CP giao.	5.14. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.14. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.14. Năm 2024.	
28		2.15. Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa Sở với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của Sở theo quy định.	3.15. Phối hợp nâng cấp Phần mềm một cửa điện tử và tích hợp công dịch vụ công; Tiếp tục chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa Sở với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của Sở theo quy định.	4.15. 95% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	5.15. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.15. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.15. Năm 2024.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
29		2.16. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh theo nhu cầu.	3.16. Tiếp tục phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh theo nhu cầu.	4.16. Các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh theo nhu cầu.	5.16. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	6.16. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	7.16. Năm 2024.	
30		2.17. Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.	3.17. Tiếp tục đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.	4.17. 95% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	5.17. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.17. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.17. Năm 2024.	
31		2.18. Phối hợp phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước.	3.18. Tiếp tục tăng cường sử dụng các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa trên hệ thống Quản lý VBĐH; một cửa điện tử; họp trực tuyến qua phần mềm của tỉnh như:	4.18. 95% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ	5.18. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.18. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.18. Năm 2024.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
			https://emeeting.gialai.gov.vn và các phần mềm khác.	xử lý công việc có nội dung mật).				
32		2.19. Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử.	3.19. Phối hợp triển khai dự án: “Xây dựng Chính quyền điện tử tiến tới xây dựng Chính quyền số”, dự kiến sẽ xây dựng, triển khai các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud), dữ liệu lớn (Big Data)...; triển khai Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó nội dung triển khai phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính quyền điện tử.	4.19. 95% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	5.19. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.19. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.19. Năm 2024.	
33	1.6. Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp.	2.20. Phối hợp hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến	3.20. Tiếp tục phối hợp triển khai việc hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; tiếp tục xây	4.20. Hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa	5.20. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.20. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.20. Năm 2024.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
		mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	dựng, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 và nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 của tỉnh được tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.	điện tử của tỉnh.				
34		2.21. Phối hợp triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước theo hướng dẫn của Chính phủ.	3.21. Phối hợp triển khai hệ thống Chat bot phục vụ trả lời tự động TTHC tích hợp tạo đề tự động trả lời, giải đáp các yêu cầu của người dân, doanh nghiệp về thông tin dịch vụ công tại tỉnh Gia Lai. Qua đó giảm bớt sự hỗ trợ trực tiếp từ con người, giảm thiểu chi phí, góp phần đáp ứng nhu cầu tương tác giữa người dân đối với chính quyền tỉnh, đẩy mạnh hiệu quả ứng dụng CNTT trong lĩnh vực hành chính công. Đồng thời giúp cho thông tin trở nên minh bạch và dễ tiếp cận hơn đối với tổ chức, người dân; Tiếp tục duy trì, cung cấp việc sử dụng ứng dụng Zalo để triển khai phục vụ công dân, tổ chức.	4.21. Phối hợp triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.	5.21. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.21. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.21. Năm 2024.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
35		2.22. Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ việc ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.	3.22. Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ việc ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.	4.22. Phối hợp tuyên truyền, hỗ trợ việc ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt tới tất cả người dân.	5.22. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.22. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.22. Năm 2024.	
36		2.23. Tăng cường tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI.	3.23. Tuyên truyền, hướng dẫn.	4.23. Tuyên truyền, hướng dẫn.	5.23. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.23. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.23. Thường xuyên trong năm 2024.	
37	1.7. Phối hợp xây dựng, phát triển đô thị thông minh.	2.24. Phối hợp phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả,	3.24. Tiếp tục phối hợp triển khai Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng thành phố Pleiku theo hướng đô thị thông minh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030” đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 20/01/2021.	4.24. Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế.	5.24. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.24. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.24. Năm 2024.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
		tránh hình thức, lãng phí.						
VII	Công tác chỉ đạo điều hành							
38	1.1. Tăng cường thông tin tuyên truyền về công tác CCHC.	2.1. Tuyên truyền, phổ biến về công tác CCHC với nhiều hình thức đa dạng, phong phú.	3.1 Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn.	4.1. Văn bản, lồng ghép tuyên truyền.	5.1. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.1. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.1. Thường xuyên trong năm 2024.	
39			3.2. Báo cáo đánh giá mức độ thực hiện.	4.2. Văn bản.	5.2. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.2. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.2. Lồng ghép trong báo cáo CCHC.	
40	1.2. Đánh giá đúng thực chất, khách quan, chính xác kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC.	2.2. Tổ chức tự đánh giá, chấm điểm Chi số CCHC của Chi cục theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch.	3.3. Triển khai tự đánh giá, chấm điểm CCHC theo Bộ chỉ số CCHC.	4.3. Văn bản.	5.3. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.3. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.3. Theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Nội vụ.	
41	1.3. Tăng cường các hoạt động kiểm tra, giám sát thực hiện CCHC tại đơn vị.	2.3. Nâng cao chất lượng tự kiểm tra công tác CCHC tại Chi cục nhằm chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật và kỷ cương trong bộ máy hành chính nhà nước.	3.4. Báo cáo kết quả kiểm tra	4.4. Báo cáo.	5.4. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	6.4. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	7.4. Lồng ghép trong báo cáo CCHC hoặc theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và PTNT.	

STT	1-Mục tiêu	2-Nhiệm vụ	3-Hoạt động	4-Kết quả/ Sản phẩm	5-Cơ quan chủ trì	6-Cơ quan phối hợp/thực hiện	7-Thời gian thực hiện	8- Kinh phí
42	1.4. Tham mưu tối thiểu 01 sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC.	2.4. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC thuộc lĩnh vực quản lý nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện công tác CCHC.	3.5. Các phòng, trạm tham mưu các giải pháp, cách làm mới trong thực hiện các nội dung CCHC.	4.5. Văn bản.	5.5. Các phòng, trạm thuộc Chi cục.	6.5. Phòng Hành chính-Tổng hợp.	7.5. Thường xuyên trong năm 2024.	